

Bản án số: 238/2024/HS-ST
Ngày 04/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến và ông Đỗ Văn Ngôn.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 229/2024/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức N, sinh ngày 17/10/1994; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D và con bà Nguyễn Thị V; Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại bản án số 104/2012/HSST ngày 25/12/2012, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (khi phạm tội là người dưới 18 tuổi)

+ Tại bản án số 02/2013/HSST ngày 17/01/2013, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (khi phạm tội là người dưới 18 tuổi). Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án buộc N phải chấp hành hình phạt 15 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/3/2014.

Tiền án:

+ Tại bản án số 108/2014/HSST ngày 11/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2016.

+ Tại bản án số 91/2016/HSST ngày 23/12/2016, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2019.

+ Tại bản án số 23/2020/HSST ngày 05/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2020.

+ Tại bản án số 87/2021/HSST ngày 21/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/9/2023.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã V, tỉnh Bắc Giang có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh Hoàng Văn A, sinh năm 1994; địa chỉ: TDP Đ, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: TDP N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 19/7/2024, Nguyễn Đức N cùng bạn là Nguyễn Bá Q, sinh năm 1991 đều trú tại thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang đi đến phòng trọ của anh Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1981, trú tại số nhà C cụm T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đang ở trọ tại tổ dân phố S, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang để N xin đi làm công nhân xây dựng cho anh N1. Anh N1 bảo N chuẩn bị căn cước công dân rồi hôm sau đến công trường xây dựng ở huyện Y, Bắc Ninh làm việc. Sau đó, N xin anh N1 cho N và Q ở nhờ phòng trọ của anh N1 một đêm. Khoảng 02 giờ ngày 20/7/2024, N mượn anh N1 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, không đeo biển kiểm soát chở Q cùng đi đón bạn là Nguyễn Văn H, sinh năm 1998, trú tại thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang tại khu vực cầu vượt Đ, ở thị xã V. Khi đón được H, N rủ Q và H đi chơi và N điều khiển xe mô tô chở cả hai đi quanh khu vực phường N, phường H. Khoảng 03 giờ, khi đi đến khu vực tổ dân phố Đ, phường H,

thị xã V, tỉnh Bắc Giang, N nhìn thấy ngôi nhà của gia đình anh Hoàng Văn A đang xây dựng, không có cánh cổng ra vào, xung quang không có người nên nảy sinh ý định đi vào trộm cắp tài sản. N dừng xe cách cổng nhà anh A khoảng 10m, nói dối với H, Q đứng chờ N đi vào nhà mượn xe mô tô của bạn. N đi vào trong sân nhà anh A thấy ở góc sân có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98B1-192.93 (viết tắt là xe mô tô BKS 98B1-192.93), chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, là tài sản của anh A, quan sát xung quang không có người. N dắt xe mô tô BKS 98B1-192.93 đi ra bên ngoài cách cổng khoảng 10m thì ngồi lên xe, mở khóa điện, đề xe nổ máy rồi điều khiển xe bỏ đi. Thấy vậy, Q và H điều khiển xe mô tô Jupiter đi theo sau N. Cả ba điều khiển xe mô tô đi đến ngôi miếu ở tổ dân phố H, phường H, thị xã V thì dừng xe lại, lúc này N phát hiện có 01 BKS 34AB-068.13 ở bụi cỏ trong miếu. Thấy vậy, N mở cốp xe mô tô Jupiter lấy tô vít, cờ lê có sẵn trong cốp xe rồi N bảo Q cùng tháo BKS 98B1-192.93 và hai yếm của xe mô tô BKS 98B1-192.93 của anh A ra và lắp BKS 34AB-068.13 vào xe, mục đích để khi điều khiển xe Công an bắt tốc độ thì không xử lý được. Sau khi gắn xong BKS 34AB-068.13 vào xe mô tô trộm cắp của anh A, Ngọc rút bỏ lại BKS 98B1-192.93, yếm của xe mô tô ở miếu rồi một mình điều khiển xe mô tô trộm cắp, Q điều khiển xe J chở H cùng đi về phòng trọ của anh N1 để ngủ. Khoảng 8 giờ ngày 20/7/2024, N rủ H đi cùng N mang xe mô tô trộm cắp đi thế chấp để vay tiền. N điều khiển xe mô tô trộm cắp của anh A, H điều khiển xe mô tô J cùng đi đến nhà anh Lê Văn Đ là bạn của N thế chấp xe mô tô để vay tiền. Khi đến nhà anh Đ, không thấy anh Đ ở nhà, N dùng điện thoại di động gọi cho anh Đ, nói dối xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave trộm cắp của anh A, lắp BKS 34AB-068.13 là tài sản của N, bảo anh Đ cho vay 2.700.000 đồng, để lại xe mô tô trên làm tin. Lúc này, anh Đ tin lời N nói là thật nên đồng ý giữ lại xe mô tô trên và cho vay tiền. Anh Đ dùng tài khoản Ngân hàng số 1022822428 của anh Đ mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 (V1) chuyển 2.700.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng có số tài khoản 88660968745363 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) mang tên anh Hoàng Văn T do N đang sử dụng. Nhận được tiền, N để lại xe mô tô trộm cắp của anh A ở nhà anh Đ rồi cùng H đi xe mô tô Jupiter về phòng trọ của anh N1 trả xe mô tô. Sau đó, N cho Q 500.000 đồng rồi Q, H bỏ đi khỏi nhà trọ của anh N1. Số tiền thế chấp xe mô tô trộm cắp còn lại, N chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/7/2024, anh Hoàng Văn A đến Công an phường H trình báo vụ việc.

Cùng ngày, Nguyễn Đức N đến Công an phường H đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Căn cứ lời khai của N, Công an phường H đã thu giữ của anh Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số khung RLHHC1209BY147922, số máy HC12E-2947933, trên xe lắp BKS 34AB-068.13; thu của anh N1 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, không lắp BKS, có số máy E3S1E-043976, trong cốp xe có 01 cờ lê và 01 tô vít; thu tại miếu T2, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang: 01 chiếc BKS 98B1-192.93 và 02 chiếc yếm xe mô tô Honda Wave do N tháo vứt bỏ của xe trộm cắp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 115/KL-HĐĐGTS ngày 25/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã V kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 98B1-192.93 có trị giá 3.500.000 đồng.

Vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave cùng BKS 98B1-192.93 và yếm xe cho anh A. BKS xe 34AB-068.13 được nhập kho vật chứng để xử lý theo pháp luật.

Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter không lắp biển số, có số máy E3S1E-043976, trong cốp xe có 01 cờ lê và 01 tô vít, xác định xe mô tô trên là tài sản của anh Nguyễn Thái N2, sinh năm 1994, trú tại thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang bị mất trộm ngày 15/7/2024 tại thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Cơ quan điều tra đã chuyển giao xe mô tô trên cùng đồ vật, tài liệu liên quan đến Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền.

Biển số xe 34AB-068.13, xác định là biển số của xe mô tô nhãn hiệu Espero, đăng ký chủ sở hữu là chị Trịnh Thị H1, sinh năm 2008, trú tại thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị H1 khai đã bán xe cho người không quen biết; kết quả tra cứu không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Điện thoại di động bị cáo N2 khai dùng để gọi điện, cài đặt tài khoản Ngân hàng để nhận tiền thế chấp xe mô tô trộm cắp, N2 khai đã bị rơi mất, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Anh T không biết N2 sử dụng tài khoản Ngân hàng mang tên mình để nhận tiền thế chấp xe trộm cắp; anh N1 không biết N2 đi trộm cắp tài sản; anh Đ không biết xe mô tô N2 để lại khi vay tiền là tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Các đối tượng Nguyễn Văn H, Nguyễn Bá Q hiện bỏ đi khỏi địa phương, không biết đi đâu, Cơ quan điều tra không ghi được lời khai nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, khi nào có căn cứ thì đề nghị xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: Hiện anh A, anh Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyễn Đức N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số: 242/CT-VKS ngày 07 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức N từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/7/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy biển số xe 34AB-068.13 do không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh A đã nhận được tài sản, anh Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, do vậy không đặt ra giải quyết.

Về án phí: áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật,

Sau khi nghe bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đảm bảo theo trình tự tố tụng hình sự.

[2] Khoảng 03 giờ ngày 20/7/2024 tại tổ dân phố Đ, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Đức N đã có hành vi lén lút đột nhập vào sân nhà anh Hoàng Văn A trộm cắp của anh A 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 98B1-192.93, trị giá 3.500.000 đồng. Sau khi trộm cắp N điều khiển xe đến ngôi miếu ở tổ dân phố H, phường H, thị xã V thì dừng xe để tháo, thay biển số xe khác, tháo yếm xe rồi mang đến nhà anh Lê Văn Đ nói dối là xe của N, sau đó thế chấp cho anh Đ để vay 2.700.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu.

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với: Thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã nhiều lần bị kết án cùng về hành vi chiếm đoạt nhưng không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân mà còn tiếp tục phạm tội, Điều đó thể hiện bị cáo coi thường pháp luật. Do vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích trong xã hội.

[4] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Đức N có nhân thân xấu và có 4 tiền án: Cụ thể:

Nhân thân:

+ Tại bản án số 104/2012/HSST ngày 25/12/2012, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (khi phạm tội là người dưới 18 tuổi)

+ Tại bản án số 02/2013/HSST ngày 17/01/2013, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (khi phạm tội là người dưới 18 tuổi). Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án buộc N phải chấp hành hình phạt 15 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/3/2014.

Tiền án:

+ Tại bản án số 108/2014/HSST ngày 11/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2016.

+ Tại bản án số 91/2016/HSST ngày 23/12/2016, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2019.

+ Tại bản án số 23/2020/HSST ngày 05/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2020.

+ Tại bản án số 87/2021/HSST ngày 21/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đức N 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/9/2023.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhiều tiền án, tuy nhiên những tiền án này thu hút về tình tiết định khung hình phạt, do vậy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú, do vậy cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm, không có tài sản, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 98B1-192.93 cùng yếm xe, Cơ quan điều tra công an thị xã V đã trả lại cho anh A, anh A không có yêu cầu gì, do vậy không đặt ra giải quyết.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter không lắp biển số, có số máy E3S1E-043976, trong cốp xe có 01 cờ lê và 01 tô vít, xác định xe mô tô trên là tài sản của anh Nguyễn Thái N2, sinh năm 1994, trú tại thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang bị mất trộm ngày 15/7/2024 tại thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Cơ quan điều tra đã chuyển giao xe mô tô trên cùng đồ vật, tài liệu liên quan đến Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền, do vậy không đặt ra giải quyết.

Đối với chiếc biển số xe 34AB-068.13, xác định là biển số của xe mô tô nhãn hiệu Espero, đăng ký chủ sở hữu là chị Trịnh Thị H1, sinh năm 2008, trú tại thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị H1 khai đã bán xe cho người không quen biết; kết quả tra cứu không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động bị cáo N2 dùng để gọi điện, cài đặt tài khoản Ngân hàng để nhận tiền thế chấp xe mô tô trộm cắp, N2 khai đã bị rơi mất, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đặt ra giải quyết.

Anh T không biết N2 sử dụng tài khoản Ngân hàng mang tên mình để nhận tiền thế chấp xe trộm cắp; anh N1 không biết N2 đi trộm cắp tài sản; anh Đ không biết xe mô tô N2 để lại khi vay tiền là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8] Trách nhiệm dân sự: Anh A, anh Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, do vậy không đặt ra giải quyết.

[9] Liên quan trong vụ án này đối với các đối tượng Nguyễn Văn H, Nguyễn Bá Q hiện bỏ đi khỏi địa phương, không biết đi đâu, Cơ quan điều tra không lấy được lời khai, do vậy Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, khi nào có căn cứ thì đề nghị xử lý sau.

[10] Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Đức N 02 (Hai) năm 09 (C) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/7/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy biển số xe 34AB-068.13 do không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/11/2024 giữa Công an thị xã V và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên).

Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

Án phí: Bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Công an thị xã Việt Yên;
- Chi cục THA DS thị xã Việt Yên;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA- VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh